

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN AN THẠNH TRUNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của Cửa hàng xăng dầu An Thạnh Trung

Chợ Mới, tháng 12 năm 2023

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN AN THẠNH TRUNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của Cửa hàng xăng dầu An Thạnh Trung

**CHỦ DỰ ÁN
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
AN THẠNH TRUNG**



LÊ THÀNH NAM

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
THIỆN PHÁT
GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN VĂN LÚA

Chợ Mới, tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	3
3.1. Công suất của cơ sở	3
3.2. Công nghệ sản xuất.....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở	5
4. Nguyên, nhiên, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	5
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	6

CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch của tỉnh, phân vùng môi trường.....	7
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	7

CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	8
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	8
3.1.2. Thu gom, nước thải	8
3.1.3. Xử lý nước thải	8
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	10
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	11
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	12
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	13
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	13
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	14

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

- 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải..... 15
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải..... 16
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn và độ rung..... 16

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

- 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải..... 17
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải..... 17
5.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo 17

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

- 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 19
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật 19

CHƯƠNG VII

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
CƠ SỞ**

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

PHỤ LỤC.....22

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	:	Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
CO ₂	:	Cacbon dioxit
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
DV	:	Dịch vụ
ĐVT	:	Đơn vị tính
NĐ – CP	:	Nghị định – Chính phủ
NO ₂	:	Nitơ dioxit
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
RTSH	:	Rác thải sinh hoạt
SO ₂	:	Lưu huỳnh dioxit
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TM	:	Thương mại
TNNH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TT	:	Thông tư
WHO	:	Tổ chức Y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Tọa độ các điểm mốc ranh của cơ sở.....	2
Bảng 3.1: Thành phần và % trọng lượng của rác thải sinh hoạt	11
Bảng 3.2: Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	12
Bảng 5.1: Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh	17
Bảng 5.2: Kết quả phân tích mẫu nước thải	18

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Ảnh vệ tinh minh họa vị trí của cơ sở	2
Hình 1.2: Quy trình hoạt động của cơ sở	4
Hình 3.1: Mô hình nguyên lý hoạt động của hố gạn dầu	9
Hình 3.2: Mô hình bể tự hoại 03 ngăn.....	10

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

Chủ cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân An Thạnh Trung.

- Người đại diện: Ông Lê Thành Nam; Chức vụ: Chủ doanh nghiệp.
- Địa chỉ: Ấp An Lạc, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
- Điện thoại: 0989.999702; Email:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600377049 đăng ký lần đầu ngày 04/02/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/10/2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

2. Tên cơ sở: Cửa hàng xăng dầu An Thạnh Trung

- Địa điểm thực hiện cơ sở: Cửa hàng xăng dầu An Thạnh Trung thuộc Ấp An Lạc, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với vị trí tứ cận như sau:

- + Phía trước giáp đường tỉnh lộ 944.
- + Phía sau giáp kênh An Bình An Khương (Kênh An Lạc).
- + Phía bên trái với nhà ở của chủ cơ sở.
- + Phía bên phải giáp vớ đất trống (cách nhà dân 5m).

Vị trí cơ sở cách UBND xã An Thạnh Trung khoảng 280m, cách cầu Rọc Sen khoảng 200. Ngoài ra, trong bán kính 500m đa số là các nhà dân và các hộ kinh doanh nhỏ lẻ khác.

Nguồn nước mặt gần cơ sở nhất là kênh An Bình An Khương (kênh An Lạc), nằm tiếp giáp với khu đất của cơ sở.



Hình 1.1: Ảnh vệ tinh minh họa vị trí của cơ sở

Vị trí các cột mốc của dự án theo hệ tọa độ VN 2000 được xác định như sau:

Bảng 1.1: Tọa độ các điểm mốc ranh của cơ sở

STT	Điểm	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
1	M1	1152866	582869
2	M2	1152861	582851
3	M3	1152882	582833
4	M4	1152886	582837

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc nhóm C (Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 5 Điều 8 của Luật này có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng) theo quy định tại khoản 4 điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội.

Quy mô kinh doanh của dự án cụ thể như sau:

+ Diện tích sử dụng đất: 379,3m². Bao gồm các hạng mục sau:

Khu trụ bơm: 6 m². Có 04 trụ bơm xăng dầu. Trụ bơm được đặt trên bệ bê tông cao 200mm so với mặt sàn, mái che trụ bơm bằng tole, có trụ thép kích làm trụ đỡ cho phần mái che, chiều cao từ sàn đến đỉnh mái là 3,9m.

Nhà kho: 20 m². Kết cấu tường xây gạch dày 200mm, nền lót gạch ceramic 400x400mm, trần la phong và mái che bằng tole, chiều cao công trình tương đương 4,5m.

Khu bồn chứa xăng dầu: 43,2 m². Có 03 bồn, dung tích mỗi bồn là 10m³.

* Đặc điểm kỹ thuật của công trình, thiết bị chứa dầu:

- + Thân bể và đầu bể dùng thép dày 6 ly.
- + Tấm nắp dùng thép dày 8 ly, cổ bồn dùng thép dày 8 ly.
- + Vành tăng cường và thanh tăng cường L50x50x5.
- + Đầu bể có nan hoa vành xuyên tăng cường thép dày 5 ly.
- + Thép bản mã dày 5 ly.
- + Liên kết hàn que hàn C47 hoặc loại khác tương đương. Chiều cao đường hàn >5mm.

* Kết cấu nền, thành bao che bể chứa dầu:

+ Các bồn thép được thiết kế âm -2,2m so với cốt ±0,000 và các cổ nắp bể nổi +0,2m so với cốt ±0,000. Phần cổ nắp bồn thép xây học bao quanh với kích thước lọt lòng là 1m x 1m, tường học xây gạch thẻ dày 200mm, sâu 700mm. Phần sàn trên cùng của khu bể chứa được đổ bê tông đá 1x2 dày 100mm và láng vữa xi măng dày 20mm. Phần tường bao quanh của khu bể chứa dầu dôi lên hơn so với mặt nền hiện trạng là 0,5m, phần còn làm âm bên dưới.

+ Nền của khu bể chứa dầu được bê tông đá 40x60mm, mác 150, dày 100mm. Tiếp theo là lớp bê tông cốt thép đá 10x20mm, mác 200, dày 100mm. Tiếp theo là lớp đà giằng gối đỡ bằng bê tông cốt thép đá 10x20mm, mác 200, dày 500mm.

+ Tường xây gạch thẻ mác 75, dày 200mm, trác 2 mặt vữa mác 75. Chiều cao tường là 2,4m tính từ đà giằng.

+ Phần khe rỗng giữa các bồn chứa dầu sử dụng cát để lấp đầy.

Khu nhà vệ sinh: 6 m². Kết cấu xây tường gạch dày 100mm, nền lót gạch ceramic nhám 300x300mm mái che bằng tole, chiều cao công trình 2,5m.

Phần diện tích còn lại là lối đi, sân bãi và nhà ở của chủ cơ sở.

+ Tổng vốn đầu tư: 250.000.000 đồng.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

- Ngành nghề hoạt động: Mua bán xăng dầu nhớt.
- Công suất:

+ Quy mô sức chứa: Cửa hàng có 03 bồn chứa xăng dầu (dung tích mỗi bồn là 10m^3), tổng sức chứa của 03 bồn là 30m^3 .

+ Quy mô kinh doanh:

Dầu DO: 10.000 lít/tháng.

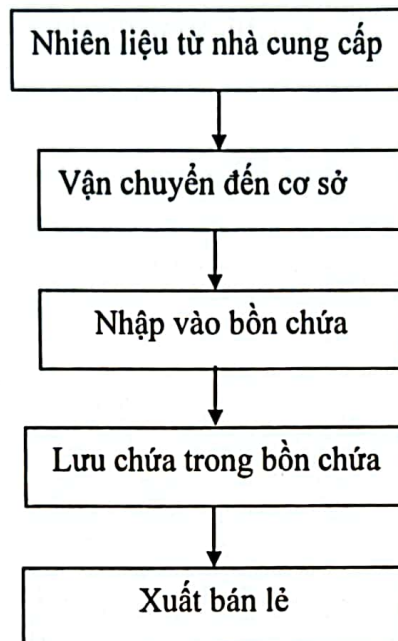
Xăng: 15.000 lít/tháng.

Nhớt: 100 lít/tháng.

- Số lượng cán bộ công nhân viên: 02 người. Bao gồm 01 quản lý và 01 nhân công.

3.2. Công nghệ sản xuất

Quy trình hoạt động của cơ sở như sau:



Hình 1.2. Quy trình hoạt động của cơ sở

❖ Thuyết minh quy trình vận hành

- Xăng dầu được nhà cung cấp vận chuyển đến cơ sở bằng xe bồn chuyên dụng. Nhiên liệu về đến cửa hàng sẽ được bộ phận giao nhận tiến hành kiểm tra các thủ tục, hàng hóa. Sau đó sẽ tiến hành nhập dầu từ khoang chứa của xe dầu qua đường ống dẫn dầu đến khoang chứa của bồn chứa dầu. Sử dụng hệ thống nhập xăng dầu vào khoang chứa dạng kín để ngăn chặn được hơi xăng dầu phát sinh và hạn chế được nguy cơ xảy ra sự cố. Thời gian nhập hàng bằng công nghệ nhập kín nhanh hơn so với phương pháp nhập hở truyền thống nên hạn chế được khí thải phát sinh. Ở công đoạn này có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu do bị đứt, vỡ đường ống, vỡ mối nối giữ đường ống và bồn chứa.... Xăng dầu được lưu chứa ở các khoang chứa vẫn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu nếu khoang bị rò rỉ, thiên tai,...

- Khi có xuất bán, nhân viên sẽ vận hành các trụ bơm dầu hút dầu từ khoang chứa theo đường ống dẫn đến các phương tiện của khách hàng. Ở giai đoạn này nếu

nhân viên thực hiện không đúng kỹ thuật, bất cẩn, đường ống dẫn từ trụ bơm vào xe cho khách hàng bị thủng, hỏng cò bơm...sẽ làm dầu tràn ra bên ngoài.

➤ **Công nghệ nhập dầu kín:**

Khi xe dầu vào khu vực cửa để nhập hàng, sử dụng ống mềm nối vào vị trí họng chờ thu hồi hơi của xe dầu và họng chờ hơi phát sinh tại bể chứa của dự án. Khi nhập hàng, dầu được dẫn theo ống nối mềm từ xe dầu chảy vào bể chứa ngầm và điền đầy thể tích trống của bể chứa, đồng thời đẩy hơi dầu trong bể chứa bay lên và thoát ra theo đường ống van thở. Tiếp đến, điều chỉnh áp lực của van thở tại cuối đường ống thở để hơi xăng dầu được thu hồi vào xe chở xăng dầu bằng đường ống mềm thu hồi hơi và khí thải không phát thải ra môi trường.

Chi tiết bố trí họng nhập kín và thu hồi hơi như sau:

TT	Tên hạng mục	Số lượng
	Họng (Ống Ø89) nhập kín dầu	03
	Họng (Ống Ø49) thu hồi hơi dầu	03

➤ **Công nghệ xuất dầu:**

Dầu được xuất bán lẻ cho khách hàng qua cột bơm cho các phương tiện.

Khi người bán hàng đưa cò bơm ra khỏi ổ đỡ công tắc điện của động cơ điện mở, động cơ quay dẫn động máy bơm quay. Nhiên liệu được bơm hút từ bể chứa qua van một chiều, van chặn lên cửa hút sang cửa đẩy của bơm đẩy lên buồng tách khí. Tại buồng tách khí nhiên liệu được phân lớp.

Nhiên liệu sạch khí và bọt được đẩy lên bộ đo lường và được đo lường tại đây, sau đó qua van điện từ ống dẫn cao su cò bơm nhiên liệu chảy ra ngoài phương tiện chứa đựng, chuyển động của bộ đo lường được truyền lên bộ tín hiệu tạo xung, máy tính (CPU) xử lý và thông báo số lượng và tiền trên màn hiển thị số huỳnh quang. Lượng nhiên liệu qua bộ đo lường được tự động cộng dồn nhờ bộ đếm cơ khí bánh số (hoặc bộ đếm điện tử báo số đèn LED).

Hỗn hợp gồm nhiên liệu và bọt khí được tách, nhiên liệu sạch khí quay về bơm, còn khí thoát ra ngoài qua lỗ thoát khí.

Kết thúc bơm, khi đưa cò bơm vào ổ đỡ công tắc điện tắt động cơ điện ngừng làm việc kết thúc một lần bơm.

Van một chiều tự động đóng kín không cho nhiên liệu từ bơm chảy ngược xuống bể, giúp cho lần bơm sau không phải mồi nhiên liệu vào khoang bơm.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm chính của là xăng dầu nhớt bán cho người tiêu dùng.

4. Nguyên, nhiên, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động kinh doanh của cơ sở là xăng dầu nhớt được lấy từ các nhà cung cấp. Khối lượng sử dụng ước tính như sau:

Dầu DO: 10.000 lít/tháng.

Xăng: 15.000 lít/tháng.

Nhớt: 100 lít/tháng.

- Nhu cầu cấp nước:

Số công nhân và quản lý làm việc tại cơ sở là 02 người. Lượng nước cấp tính theo đầu người tối thiểu là 80 lít/người/ngày (Căn cứ QCXDVN 01:2021/BXD). Dựa vào khu vực cơ sở, chọn lượng nước cấp là 100 lít/người/ngày. Lượng nước cấp cho hoạt động của cơ sở là:

$$02 \text{ người} * 100 \text{ lít/người/ngày} = 0,2 \text{ (m}^3\text{/ngày)}.$$

Ngoài ra còn phát sinh một lượng nước cấp cho hoạt động đi vệ sinh của khách hàng ước tính khoảng $0,1\text{m}^3\text{/ngày}$.

Vậy tổng lượng nước cấp sử dụng cho hoạt động của cơ sở là $0,2 + 0,1 = 0,3\text{m}^3\text{/ngày}$

Nguồn cung cấp nước lấy từ hệ thống cấp nước chung của khu vực.

- Nhu cầu dùng điện: Nguồn điện chủ yếu lấy từ lưới điện quốc gia với mục đích phục vụ cho hoạt động kinh doanh, ước tính khoảng 300 – 400 kw/tháng.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Ngoài giấy chứng nhận doanh nghiệp đã được cấp thì cơ sở còn các văn bản pháp lý sau:

- Văn bản số 23/CV.PCT ngày 25/3/2009 của Phòng công thương thuộc UBND huyện Chợ Mới về việc hồ sơ xây dựng cửa hàng xăng dầu ông Lê Thành Nam, xã An Thạnh Trung.

- Giấy xác nhận số 325/XN-TNMT ngày 06/12/2006 của của Sở Tài nguyên và môi trường về việc xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của cửa hàng xăng dầu An Thạnh Trung.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy số 33/ĐK-PCCC ngày 31/01/2008.

- Văn bản số 1064/SCT-QLTM ngày 05/7/2023 của Sở công thương về việc hoạt động kinh doanh bán lẻ xăng dầu của DNTN An Thạnh Trung.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch của tỉnh, phân vùng môi trường

Không có.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hoạt động của cơ sở có làm phát sinh một số nguồn chất thải nhưng tải lượng và mức độ tác động đến môi trường là thấp. Chủ cơ sở cam kết thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường đúng theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Khu vực dự án đã có hệ thống mái che đảm bảo không để nước mưa cuốn các chất thải của dự án gây ô nhiễm môi trường. Nước mưa sẽ tự chảy tràn theo mái nhà chảy xuống đất rồi theo mái dốc thoát ra môi trường.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nước nhiễm dầu

Nước nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động vệ sinh định kỳ khu vực trụ bơm hoặc do nước mưa chảy tràn cuốn theo dầu. Lượng nước thải phát sinh rất ít, ước tính khoảng $0,5\text{m}^3$ /lần phát sinh.

* Biện pháp thu gom

Cơ sở đã có hệ thống rãnh thu nước mưa khu vực trụ bơm để gom nước nhiễm dầu vào bể gạn dầu (kích thước $700 \times 1.900 \times 800\text{mm}$, chia làm 03 ngăn) để tách cặn và dầu. Nước sau hồ ga được dẫn theo ống PVC fi 90mm thoát ra đất và tự thấm.

b. Nước thải sinh hoạt:

* Nguồn phát sinh:

Theo tính toán nhu cầu sử dụng nước tại Chương 1, chọn lượng nước thải sinh hoạt bằng 100% lượng nước cấp, có thể ước tính tổng lượng nước thải sinh hoạt là: $0,3\text{m}^3$ /ngày.đêm.

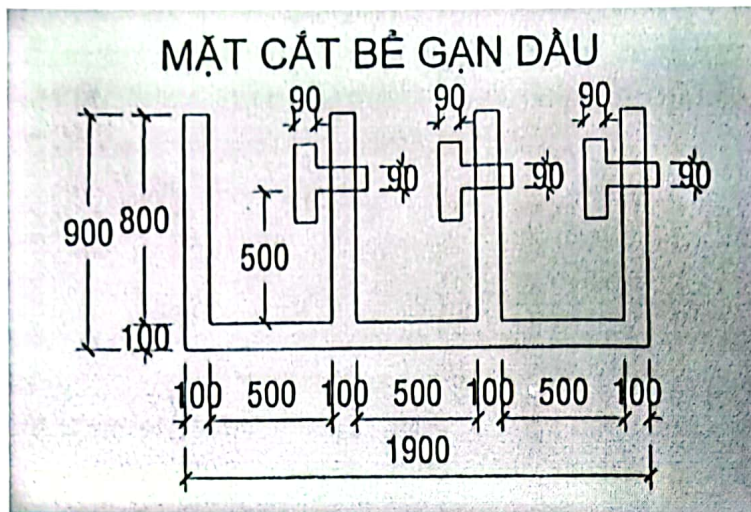
* Biện pháp thu gom:

Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom xuống hầm tự hoại 03 ngăn (kích thước $2.000 \times 2.500 \times 1.200\text{mm}$) để xử lý, sau đó dẫn theo ống PVC fi 90mm thoát ra đất và tự thấm.

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Nước nhiễm dầu

Như đã trình bày ở trên thì nước nhiễm dầu có hệ thống rãnh thu dầu về bể gạn dầu (kích thước $700 \times 1.900 \times 800\text{mm}$, chia làm 03 ngăn) để tách cặn và dầu. Nước sau bể gạn dầu được dẫn theo ống PVC fi 90mm thoát ra đất và tự thấm. Cam kết thu gom và xử lý nước thải đạt QCVN 29:2010/BTNMT cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.



Hình 3.1: Mô hình nguyên lý hoạt động của hồ ga tách dầu

Thuyết minh: Nguồn nước nhiễm dầu sẽ theo ống dẫn vào bể gạn dầu. Tại đây, do trọng lượng nhẹ hơn nước và tính chất không hoà tan trong nước nên dầu nhớt sẽ nổi lên bề mặt của bể gạn dầu, trong bể có các vách ngăn được lắp ống dạng chữ T ghim hòng thu vào trong nước, công dụng của ống chữ T này là ngăn không cho phần dầu nổi trên mặt chảy ra ngoài. Phần cặn sẽ được lắng xuống đáy bể gạn dầu, phần nước trong sẽ theo hòng thu chảy theo ống dẫn thoát ra nguồn tiếp nhận

Bể gạn dầu hoạt động theo nguyên lý tự nhiên và không sử dụng bất kỳ vật liệu nào để tách dầu.

Lượng dầu nổi trên mặt hồ sẽ được thu gom định kỳ 01 lần/tháng bằng vải thấm dầu. Khối lượng phát sinh 0,5 kg/năm. Vải dính dầu sẽ bỏ vào thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định.

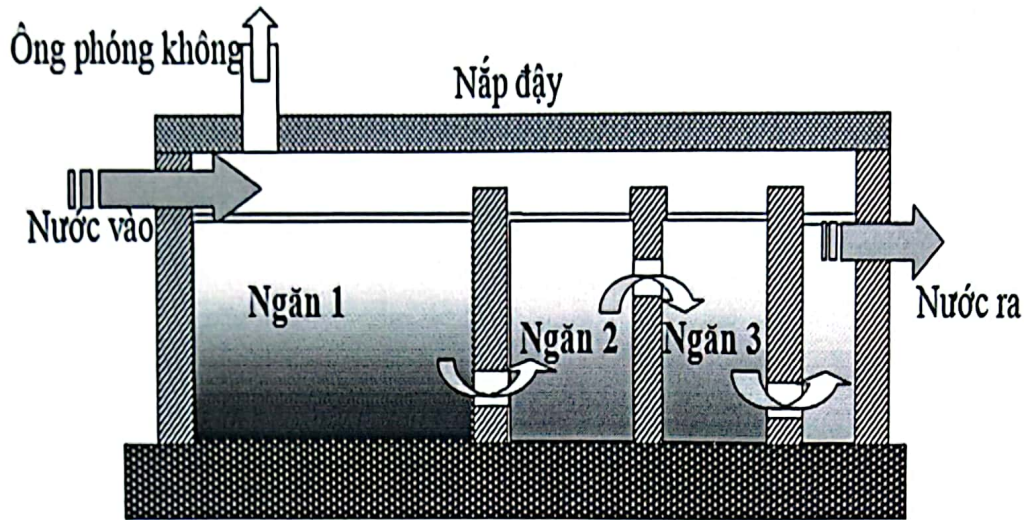
b. Nước thải sinh hoạt

Nước thải phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên tại cơ sở là 0,3 m³/ngày. Lượng nước thải này được xử lý bể tự hoại 3 ngăn xử lý trước khi thoát vào môi trường.

Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải cục bộ rất phổ biến ở cả Việt Nam cũng như nhiều nước khác nhau trên thế giới. Bể tự hoại có nhiệm vụ làm sạch sơ bộ hoặc hoàn toàn nước thải từ công trình trước khi thải ra mạng lưới thoát nước hay nơi tiếp nhận sông, hồ,... Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng phù hợp thực hiện quá trình lắng cặn với hiệu suất cao (trung bình 50 - 70% theo SS và 25 - 45% theo BOD và COD). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B và được dẫn thoát ra thoát ra đất và tự thấm.

Cơ sở đã xây dựng khu vệ sinh có hầm tự hoại (xây âm bên dưới nhà vệ sinh) trong quá trình xây dựng công trình nhà làm việc. Bể tự hoại có thể tích tương đương 5 m³, (kích thước 2,0x2,5x1,0m) đảm bảo khả năng lưu chứa và xử lý nước thải từ nhà

vệ sinh của công nhân trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở. Định kỳ khoảng 01 lần/năm cơ sở sẽ thuê xe hút bùn để hút bùn cặn tại hầm tự hoại.



Hình 3.2: Mô hình bể tự hoại 3 ngăn

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Nguồn phát sinh:

Dựa vào quy mô và loại hình hoạt động của dự án thì hoạt động của dự án không làm phát sinh nguồn khí thải nào có tải lượng lớn. Khi dự án đi vào hoạt động sẽ không gây tác động lớn đến môi trường không khí, chỉ có một số tác động như sau:

Bụi

Trong quá trình hoạt động của dự án bụi phát sinh chủ yếu từ hoạt động tập kết, vận chuyển của các phương tiện giao thông ra vào dự án. Bụi phát sinh chủ yếu là bụi đất từ nền bị cuốn lên theo lớp xe vận chuyển. Tính độc hại không cao, tuy nhiên nếu không có biện pháp giảm thiểu thích hợp có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân và hoạt động kinh doanh của dự án.

Khí thải

Khí thải từ mùi, hơi xăng dầu từ các trụ bơm và bồn chứa xăng dầu, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển ra vào dự án. Tuy nhiên, khí thải từ phát sinh có tải lượng thấp và có tính di động, được phát tán vào môi trường không khí.

Nhìn chung chất lượng môi trường không khí khu vực dự án vẫn trong lành. Khi dự án đi vào hoạt động không làm ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí khu vực án.

b. Biện pháp xử lý:

Bụi

Để giảm thiểu lượng bụi phát sinh từ nền đường và khu vực khuôn viên cơ sở, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Toàn bộ khu vực dự án đã được tráng xi măng để hạn chế bụi phát sinh.

- Thường xuyên cử công nhân vệ quét dọn, vệ sinh nền đường.

Khí thải

- Mùi, hơi xăng dầu được hạn chế bằng van thở tại các bồn chứa để tránh phát tán tự nhiên ra môi trường.

- Hoạt động xuất nhập xăng dầu sẽ sử dụng công nghệ xuất nhập kín bằng hệ thống dẫn kín. Từ đó hạn chế được việc thất thoát xăng dầu cũng như làm phát sinh hơi, mùi xăng dầu ra môi trường.

- Phương tiện vận chuyển của dự án được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ hạn chế khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

- Yêu cầu tài xế tắt động cơ phương tiện khi chờ bảo trì hay thực hiện các hoạt động khác trong khuôn viên cơ sở.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Đối với rác thải sinh hoạt

*** Nguồn phát sinh:**

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được tính toán dựa theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng rác thải cho một người khoảng 0,8 kg/người.ngày.đêm:

Dự án hoạt động với 02 công nhân: $02 \text{ người} \times 0,8 \text{ kg/người.ngày.đêm} = 1,6 \text{ kg/ngày.đêm}$.

Bảng 3.1: Liệt kê thành phần và % trọng lượng của rác thải sinh hoạt

STT	Thành phần	% Theo trọng lượng
1	Chất hữu cơ dễ phân hủy	75,3
2	Cao su, nilon	4,31
3	Giấy	5,69
4	Kim loại	3,4
5	Thủy tinh	1,2
6	Đất, cát và các loại khác	10,1
Tổng		100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần môi trường đô thị An Giang 2019)

*** Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý:**

Chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom vào thùng chứa rác có nắp đậy, sử dụng thùng chứa rác loại 20 lít. Rác thải sẽ được tập kết vào thùng rác tại tuyến đường tỉnh lộ 944 để xe thu gom của địa phương thu gom hằng ngày.

b) Đối với chất thải rắn sản xuất

*** Nguồn phát sinh:**

Rác văn phòng, bao bì, thùng giấy, chai lọ,... với lượng phát sinh khoảng 2 kg/ngày.

*** Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý:**

Rác văn phòng, bao bì, thùng giấy, chai lọ,... tổ chức thu gom bố trí 01 khu vực lưu trữ riêng. Định kỳ bán cho phế liệu.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

c) Đối với chất thải nguy hại

*** Nguồn phát sinh:**

Trong quá trình hoạt động của cơ sở có thể phát sinh các chất thải nguy hại như nhớt thải, giẻ lau dầu nhớt, bóng đèn hư hỏng, pin thải,... Tùy thuộc vào số lượng tần suất và hình thức bảo dưỡng hay sửa chữa phương tiện của chủ dự án mà chất thải phát sinh nhiều hay ít. Khối lượng phát sinh được ước tính trung bình như sau:

Bảng 3.2: Thành phần và số lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng TB/năm
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	kg	3
2	Giẻ lau thải bị dầu nhớt	18 02 01	kg	0,5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	kg	0,5
4	Pin thải	17 01 12	kg	0,5
Tổng				4,5

Chất thải nguy hại chứa các phụ phẩm hóa học, các yếu tố có tính nguy hại cho sức khỏe con người và môi trường vì chúng có những tính chất như độc tính, độc hại sinh thái, dễ cháy nổ, ăn mòn,...

Chất thải nguy hại nói chung khi tiếp xúc với cơ thể sẽ gây tác động đến cơ quan nhạy cảm của con người hoặc sinh vật. Sự tổn thương của sinh vật phụ thuộc vào tính chất lý hóa của chất thải và tình trạng sức khỏe cũng như sự phát triển của cơ thể sinh vật.

Ảnh hưởng của chất thải nguy hại đối với cơ thể sống thông qua một số quá trình động học như hấp thụ, phân bố, trao đổi chất, tích lũy và bài tiết. Những tác nhân độc hại thường không thể hiện tính độc hại trên cơ thể sống. Thay vào đó chúng sẽ tiếp diễn thông qua một chuỗi các tuyến tiếp xúc và con đường trao đổi chất.

Bằng những con đường này chất thải nguy hại và các sản phẩm chuyển hóa của chúng sẽ đi đến các phân tử tiếp nhận hay các cơ quan mục tiêu và tích tụ tại đó. Khi nồng độ đủ cao sẽ thể hiện triệu chứng độc tính trên sinh vật bị tích tụ.

Tuy nhiên, các chất thải nguy hại phát sinh tại dự án không có tính độc hại cao và ít tác động đối với môi trường. Đồng thời khi thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp sẽ hạn chế tối đa các khả năng tác động của loại chất thải này đối với con người và môi trường.

*** Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý:**

Bố trí khu vực chứa riêng biệt có diện tích khoảng 1 m² nằm ở trong nhà bao che kín, bố trí thùng chứa riêng cho từng loại chất thải nguy hại.

Thực hiện thu gom chất thải nguy hại để vào các dụng cụ lưu chứa, có dán mã chất thải nguy hại theo từng loại chất thải đúng quy định và liên hệ với các công ty có chức năng (như Công ty Cổ phần môi trường đô thị An Giang) tiến hành xử lý các chất thải này đúng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Bên cạnh đó cũng nhắc nhở phải thực hiện những yêu cầu an toàn khi tiếp cận với chất thải nguy hại hoặc chỉ dẫn những thông tin cần thiết khác đã được quy định để phòng tránh các rủi ro, tai nạn cho con người và môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

*** Nguồn phát sinh:**

Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ phát phát điện dự phòng được sử dụng khi trường hợp cúp điện, khi hoạt động máy sẽ tạo ra tiếng ồn đáng kể. Do đó, nguồn ồn này cần có biện pháp quản lý phù hợp để không gây ảnh hưởng đến các đối tượng lân cận.

Ngoài ra tiếng ồn và rung thường phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án. Nguồn tác động này phát sinh không thường xuyên và ảnh hưởng cục bộ trong thời gian ngắn.

*** Biện pháp xử lý:**

- Đối với máy phát điện dự phòng phải bố trí trong nhà kho được che chắn và đặt tại vị trí xa nhà dân để giảm thiểu mức tiếng ồn, hạn chế ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

- Yêu cầu tài xế tắt động cơ phương tiện khi không cần thiết.

- Bên cạnh đó để hạn chế tiếng ồn của phương tiện vận chuyển, chủ c7 sở thường xuyên kiểm tra và định kỳ bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng để giảm ồn và đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Các biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ tại cơ sở:

- Trang bị đầy đủ hệ thống báo cháy, đèn tín hiệu và thiết bị chữa cháy (bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy, cát, bao tải,...) tại chỗ.

- Phối hợp với các cơ quan PCCC thực hiện hướng dẫn, huấn luyện cụ thể về các phương án phòng chống cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra các bể, thùng chứa nhiên liệu, sử dụng các bể chứa đúng tiêu chuẩn và được bảo hành để tránh sự cố rò rỉ.

- Các thiết bị điện sử dụng dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng điện và có thiết bị bảo vệ quá tải.

- Những khu vực phát sinh nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ bằng các thiết bị chống cháy.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện trong cơ sở. Hộp cầu dao phải kín và tiếp điện tốt.

b. Sự cố tràn dầu

- Lập bảng nội quy làm việc khi xuất nhập nhiên liệu đảm bảo an toàn và không để tràn đổ dầu nhớt.

- Doanh nghiệp sẽ bố trí rãnh thu xung quanh khu vực cửa hàng để thu gom dầu nhớt khi xảy ra sự cố tràn đổ và dẫn về bể gạn dầu để thu gom.

- Theo quy định hiện hành thì cơ sở phải lập bản kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cơ quan chức năng thẩm định và phê duyệt.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có.

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải nhiễm dầu.

b. Lưu lượng xả thải tối đa:

- Nước nhiễm dầu: Lượng nước thải phát sinh tối đa là 0,5 m³/lần phát sinh.

c. Dòng nước thải

- Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép là 01 dòng.

+ Dòng số 1: Nước thải nhiễm dầu.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

- Nước thải nhiễm dầu:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo theo QCVN 29:2010/BTNMT:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT
			Cột B
1	pH	-	5,5 đến 9
2	COD	mg/l	150
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	120
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn xin cấp phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT
			Cột B
1	pH	-	5,5 đến 9
2	COD	mg/l	150
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	120
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

e. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

* Nước thải nhiễm dầu:

- Vị trí xả nước thải: Bể gạn dầu. Tọa độ vị trí xả thải như sau:

(Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1152868; Y: 582845).

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý bể gạn dầu đạt Quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT, cột B sẽ được xả tràn tự chảy ra đất và tự thấm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Tự thấm qua đất.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Không có.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn và độ rung

a. Tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng.

Tọa độ X: 1152864; Y: 582848 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: $\leq 85\text{dBA}$ (theo quy định QCVN 24/2016/BYT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc), với thời gian tiếp xúc với tiếng ồn tối đa là 8 giờ.

b. Độ rung

Cơ sở có phát sinh độ rung từ các máy móc khi vận hành nhưng đã được gia cố bằng nền sàn bê tông nên mức rung phát sinh là thấp. Do đó, cơ sở không đăng ký cấp phép nội dung này.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Không có.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Không có.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Do loại hình cơ sở ít tác động đến môi trường nên chúng tôi xin không thực hiện thu mẫu đánh giá trong quá trình lập báo cáo.

Chúng tôi xin tham khảo kết quả thu và phân tích mẫu của Doanh nghiệp tư nhân An Kiên tại thị trấn Chợ Mới có loại hình kinh doanh giống với cơ sở, để có nhận định cảm quan về chất lượng môi trường của loại hình kinh doanh xăng dầu như sau:

*** Đối với môi trường không khí**

Bảng 5.1 Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh

Vị trí		Thông số ô nhiễm đặc trưng							
		Ồn	Tổng bụi lơ lửng ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	CO ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	NO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	SO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	Benzen ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	Toluen ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	Xylen ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)
Đợt 1	KK01	60	98	<9.000	65	79	KPH	KPH	KPH
	KK02	65	124	<9.000	71	82	KPH	KPH	KPH
Đợt 2	KK01	67	150	3.800	79	112	KPH	KPH	KPH
	KK02		90	5200	67	86	KPH	KPH	KPH
QCVN 26: 2010/BTNMT		70	-	-	-	-	-	-	-
QCVN 05: 2013/BTNMT			300	30.000	200	350	-	-	-
QCVN 06: 2009/BTNMT		-	-	-	-	-	22	500	1.000

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp tư nhân An Kiên, 2022)

Ghi chú:

- KK01: Tại khu vực giữa cửa hàng An Kiên 01 và 02.
- KK02: Tại khu vực gần trụ bơm xăng dầu.
- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích mẫu cho thấy: Kết quả mẫu khí của 02 đợt tất cả các chỉ tiêu đều đạt so với QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Từ đó cho thấy hoạt động của dự án ít gây ảnh hưởng đến môi trường khu vực, dự án vẫn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

*** Đối với công trình xử lý nước nhiễm dầu**

Bảng 5.2 Kết quả phân tích mẫu nước thải

Stt	Thông số ô nhiễm đặc trưng	Đơn vị	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B)
			NT01				
Tần suất giám sát		Lần/năm	4 lần/năm				
Lưu lượng thải		m ³	0,05	0,05	0,08	0,05	-
1	pH	-	7,2	7,02	7,1	7,2	5 – 9
2	TSS	mg/l	46	45	57	46	100
3	COD	mg/l	35	70	65	35	100
4	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	2,1	2,13	3,2	2,1	15

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp tư nhân An Kiên, 2022)

Ghi chú:

- NT01: Tại đầu ra bể lắng gạn dầu.
- QCVN 29:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

Nhận xét: Qua kết quả phân tích mẫu cho thấy: tất cả các chỉ tiêu của 04 quý đều đạt so với QCVN 29:2010/BTNMT cột B. Từ đó cho thấy nguồn nước thải nhiễm dầu đã được xử lý tốt và có nồng độ đạt theo quy chuẩn hiện hành.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Theo điểm d, Khoản 1 Điều 31 của Nghị định 08/2022- Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm do hồ sơ của cơ sở là dạng công trình xử lý tại chỗ nên không thực hiện vận hành thử nghiệm.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và điểm a khoản 1 Điều 97 và điểm b khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Hoạt động của dự án không thuộc đối tượng quan trắc môi trường. Do đó, Chủ dự án không đề xuất chương trình quan trắc môi trường ở chương này.

Tuy nhiên, để giảm thiểu tác động đến môi trường do hoạt động của cơ sở, chủ dự án cam kết thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn và các biện pháp bảo vệ môi trường khác được trình bày cụ thể trong Báo cáo này.

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Không có.

CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Doanh nghiệp tư nhân An Thanh Trung cam kết các nguồn thải của dự án sẽ được kiểm soát chặt chẽ. Nồng độ các chất ô nhiễm phát thải đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn cho phép trước khi thải vào môi trường như sau:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.
- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

Cam kết thu gom và xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Cam kết thực hiện thu gom, quản lý và xử lý rác thải phát sinh theo đúng quy định hiện hành.

Chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đúng như các biện pháp bảo vệ môi trường đưa trình và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Cam kết các nguồn thải từ dự án chúng tôi không gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng đến người dân lân cận.

Chúng tôi sẽ thực hiện công tác giám sát hàng năm và xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ tiến hành các giải pháp khắc phục, xử lý; đồng thời trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường để xử lý ngay các nguồn ô nhiễm này.

Chúng tôi gửi kèm theo đây các văn bản có liên quan đến dự án bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Bản vẽ mặt bằng tổng thể bố trí các hạng mục.

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam./.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH AN GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Mã số doanh nghiệp: 1600377049

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 02 năm 1999

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 03 tháng 10 năm 2017

BẢN CẬP LẠI
CẬP LẠI LẦN THỨ: 01
Ngày cấp lại: 03/10/2017

1. Tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: DOANH NGHIỆP TN AN THANH TRUNG

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ấp An Lạc, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 076.3621222

Email:

Fax:

Website:

3. Chủ doanh nghiệp

Họ và tên: LÊ THÀNH NAM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/12/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 350199976

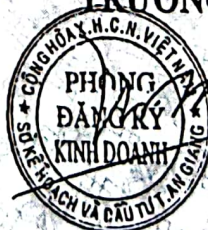
Ngày cấp: 29/01/2008

Nơi cấp: Công An tỉnh An Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp An Lạc, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp An Lạc, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Phú Quốc

**UBND TỈNH AN GIANG
SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1064 /SCT-QLTM

An Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2023

**V/v hoạt động kinh doanh bán lẻ
xăng dầu DNTN An Thạnh Trung**

**Kính gửi: Doanh nghiệp tư nhân An Thạnh Trung
(ĐC: Đường tỉnh 944, ấp An Lạc, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới)**

Ngày 16/6/2023, Sở Công Thương nhận được hồ sơ của Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) An Thạnh Trung đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong thành phần hồ sơ có một số giấy tờ, sau:

(1) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600377049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu: ngày 04/02/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 03/10/2017.

(2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 683286 ngày 12/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường, mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

(3) Giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 325/XN-STNMT ngày 06/12/2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

(4) Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 16/6/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC số 33/ĐK-PCCC ngày 31/01/2008 của Phòng Cảnh sát PCCC.

(5) Văn bản xác nhận cung cấp xăng dầu số 09-2023/AK-GXN ngày 03/6/2023 của DNTN An Kiên.

(6) Chứng chỉ học nghiệp vụ bảo vệ môi trường, huấn luyện PCCC.

- Ngày 30/6/2023, Sở Công Thương tổ chức Đoàn công tác (gồm các Sở: Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Chợ Mới) thẩm định cửa hàng xăng dầu của DNTN An Thạnh Trung. Qua đó, Đoàn công tác đã có một số ý kiến về cửa hàng xăng dầu của doanh nghiệp và đề nghị doanh nghiệp thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện cho DNTN An Thạnh Trung được kinh doanh xăng dầu phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, từng bước khôi phục kinh doanh xăng dầu sau ảnh hưởng của dịch Covid-19, cũng như có thời gian thực hiện hồ sơ xăng dầu đảm bảo theo quy định, Sở Công Thương chấp thuận cho DNTN An Thạnh Trung được kinh doanh

bản lẻ xăng dầu đến ngày 04 tháng 01 năm 2024, thương nhân cung cấp xăng dầu: Doanh nghiệp tư nhân An Kiên.

Quá trình hoạt động kinh doanh xăng dầu, Sở Công Thương đề nghị DNTN An Thạnh Trung thực hiện theo các nội dung của Đoàn công tác ngày 30/6/2023, như sau:

- Thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang kinh doanh dịch vụ (loại hình cửa hàng xăng dầu) theo quy định để làm cơ sở lập thủ tục cải tạo, sửa chữa cửa hàng xăng dầu. Đồng thời tuân thủ các điều kiện về môi trường, phòng cháy chữa cháy, giao thông theo quy định hiện hành.

- Thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép môi trường do cửa hàng xăng dầu có tăng quy mô từ 20 m³ tăng lên 30 m³.

- Lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải nhiễm dầu và bể gạn dầu theo quy định.

- Thường xuyên đảm bảo các điều kiện về kinh doanh xăng dầu, an toàn phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra cháy, nổ, mất an toàn giao thông hoặc vi phạm các quy định về kinh doanh xăng dầu thì DNTN An Thạnh Trung phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Sở Công Thương thông tin đến Doanh nghiệp tư nhân An Thạnh Trung được biết. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: XD, TN&MT, GTVT;
- Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH;
- Phòng KT-HT huyện Chợ Mới;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, P. QLTM.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Hùng

UBND HUYỆN CHỢ MỚI
PHÒNG CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Dộc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 22 /CV.PCT

Chợ Mới, ngày 25 tháng 3 năm 2009

Về việc hồ sơ xây dựng của hàng xăng dầu
Ông Lê Thành Nam, xã An Thạnh Trung

Kính gửi: Sở công thương tỉnh An Giang.

Căn cứ công văn số 589/SCT-QLTMDV ngày 05/11/2008 của Sở công thương tỉnh An Giang về việc hồ sơ xây dựng của hàng xăng dầu.

Theo công văn số 650/SXD-QH ngày 21/12/2007 của Sở xây dựng An Giang về xác nhận hồ sơ hiện trạng các cửa hàng xăng dầu theo TCVN 4530: 1998.

Phòng Công thương xin có ý kiến cụ thể như sau:

Cửa hàng xăng dầu của ông Lê Thành Nam tọa lạc tại ấp An Lạc, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 1997. Không có vi phạm hành lang lộ giới theo trục đường tỉnh lộ 944 và cũng không vi phạm hành lang sông kênh An Lạc (kèm theo công văn này là bản vẽ hiện trạng sử dụng).

Nhằm giúp doanh nghiệp đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh và được tiếp tục hoạt động đúng theo quy định. Phòng Công thương đề nghị Sở công thương An Giang cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của hàng xăng dầu cho ông Lê Thành Nam với thời hạn là 05(năm) năm. Do cửa hàng kinh doanh xăng dầu của ông Lê Thành Nam xây dựng trước khi có các quy định TCVN 4530: 1998 và Nghị định số 55/2007/NĐ-CP ngày 06/04/2007 của chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Kính chuyển Sở Công thương An Giang xem xét./

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện (thay báo cáo);
- UBND xã An Thạnh Trung (để biết);
- Ông Lê Thành Nam (thực hiện);
- Lưu VP.



Vũ Minh Thảo

Số: 33 /ĐK-PCCCPC23.)

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC" của ông/bà:

LÊ THÀNH NAM Chức vụ: **CHỦ DOANH NGHIỆP**

Đại diện cho: **DNTN AN THÀNH TRUNG**

và biên bản kiểm tra các điều kiện về PCCC của: **PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**

lập ngày 16 tháng 01 năm 2008

(PHÒNG CẢNH SÁT PCCC)

CHỨNG NHẬN:

(2) **CỬA HÀNG XĂNG DẦU AN THÀNH TRUNG**

Thuộc: **DNTN AN THÀNH TRUNG**

Địa chỉ: **ẤP AN LẠC - AN THÀNH TRUNG - CHỢ MỚI - AN GIANG**

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này có đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy
theo quy định của pháp luật về: **KINH DOANH XĂNG, DẦU, NHỚT**

..... **LÊ THÀNH NAM** có trách nhiệm
đảm bảo liên tục điều kiện về PCCC đã chứng nhận của **PHÒNG CẢNH SÁT PCCC**

trong suốt quá trình hoạt động.

Long xuyên ngày **31 tháng 01 năm 2008**
.....
TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC



Trưởng Tđ: Đặng Quang Trung

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp quận; (2) Tên cơ sở hoặc phương tiện giao thông cơ giới; (3) Chữ danh người ký giấy này, đóng dấu.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 325 /XN-STNMT

Long Xuyên, ngày 06 tháng 12 năm 2006

GIẤY XÁC NHẬN
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

h

Tên cơ sở, doanh nghiệp: DNTN An Thạnh Trung

Chủ cơ sở, doanh nghiệp: Lê Thành Nam

Địa chỉ: Ấp An Lạc, xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

Số điện thoại: 621222

Loại hình sản xuất, kinh doanh: Xăng dầu

GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
XÁC NHẬN

Điều 1: DNTN An Thạnh Trung đã trình nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường ngày 01/12/2006.

Điều 2: DNTN An Thạnh Trung có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống sự cố môi trường như đã nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường. Chấp hành di dời khi có yêu cầu của địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường. Kết quả giám sát phải được cập nhật và cung cấp cho Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh An Giang để kiểm tra, theo dõi và cấp giấy phép môi trường.

2.3 Thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường phù hợp với thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm của cơ sở, doanh nghiệp.

2.4. Mọi thay đổi so với nội dung Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, đã được xác nhận đều phải thông báo bằng văn bản và chỉ thực hiện sau khi có sự đồng ý của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3: Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của cơ sở, doanh nghiệp là căn cứ để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của cơ sở, doanh nghiệp.

Điều 4: Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường và *phương án ứng phó sự cố tràn dầu*, chủ cơ sở, doanh nghiệp phải có báo cáo bằng văn bản gửi đến cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra.

Điều 5: Giấy xác nhận này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong thời gian 60 ngày DNTN An Thanh Trung phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường.

Nơi nhận:

- Chủ doanh nghiệp, cơ sở;
- Lưu *g*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Tâm

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **Lê Thành Nam**

Năm sinh: 1961, CMND số: 350199976

Địa chỉ thường trú: Ấp An Lạc, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, An Giang.

Bà: **Nguyễn Thị Mỹ Dung**

Năm sinh: 1969, CMND số: 352442144

Địa chỉ thường trú: Ấp An Lạc, Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, An Giang.

CHUNG THỰC BẢN SAO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 2300/2021/Quyển: 01

Ngày: 16 tháng 9 năm 2021



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Phương Thảo

DH 683286

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- I. Thửa đất:
- a) Thửa đất số: 89, tờ bản đồ số: 48
 - b) Địa chỉ: Xã An Thạnh Trung, Huyện Chợ Mới, An Giang
 - c) Diện tích: 379,3m² (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi chín phẩy ba mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 - e) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
 - f) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-
3. Công trình xây dựng khác: -/-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
5. Cây lâu năm: -/-
6. Ghi chú:



An Giang, ngày 12 tháng 9 năm 2022
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN GIANG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

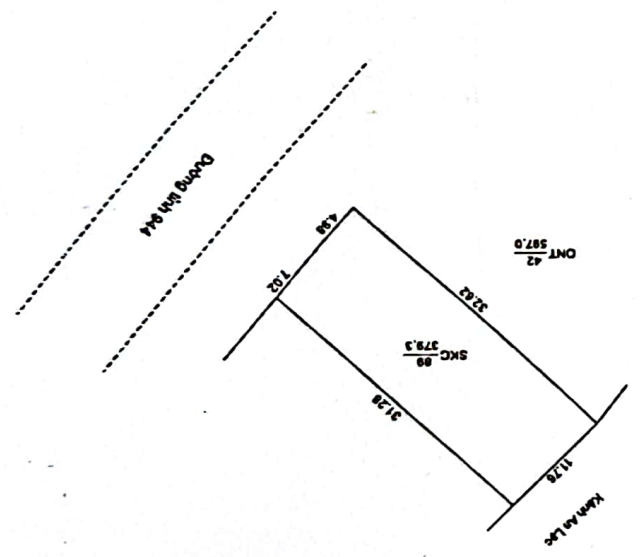


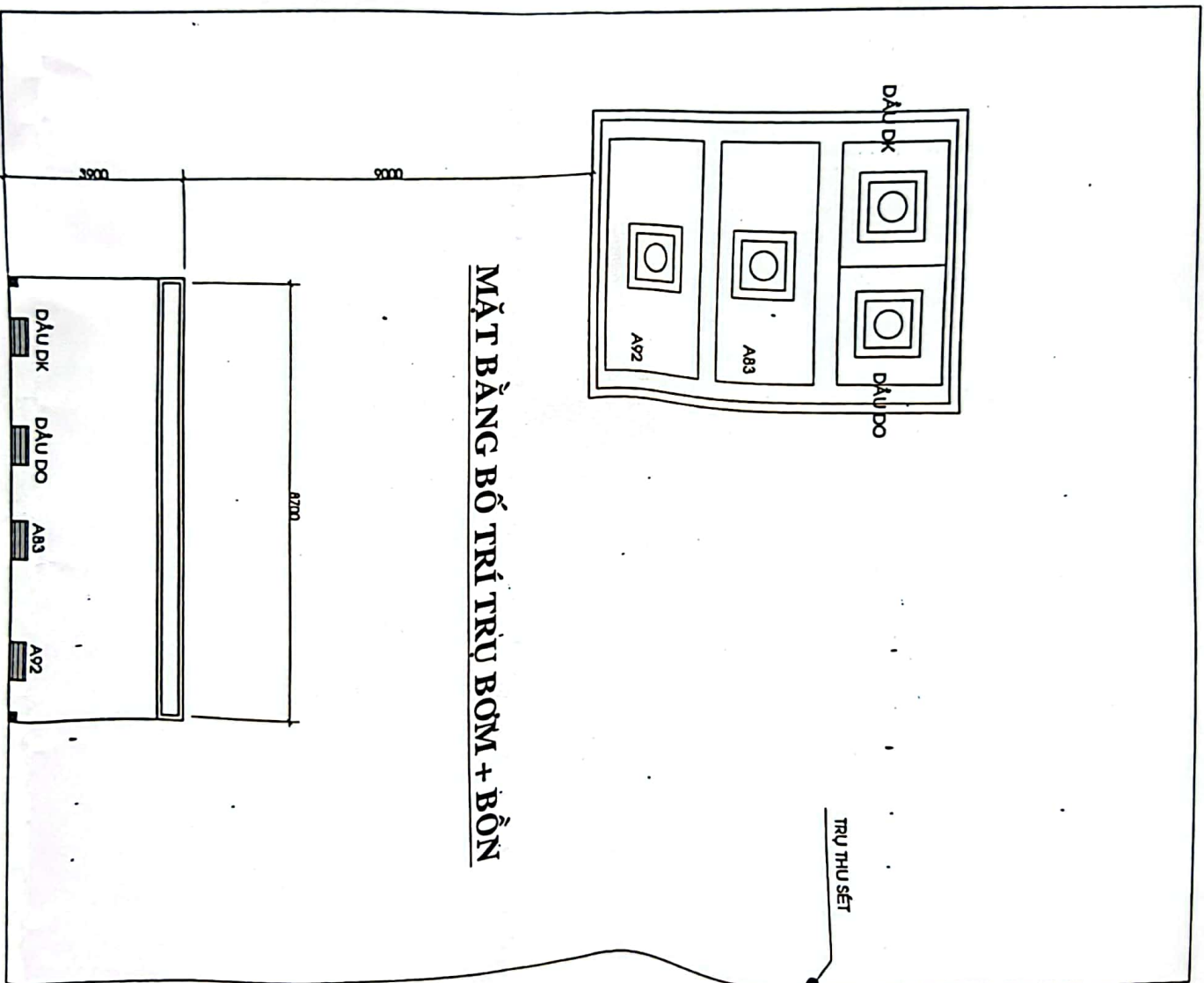
Nguyễn Trọng Thành

Số vào sổ cấp GCN: CS05548

IV. Nhưng thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

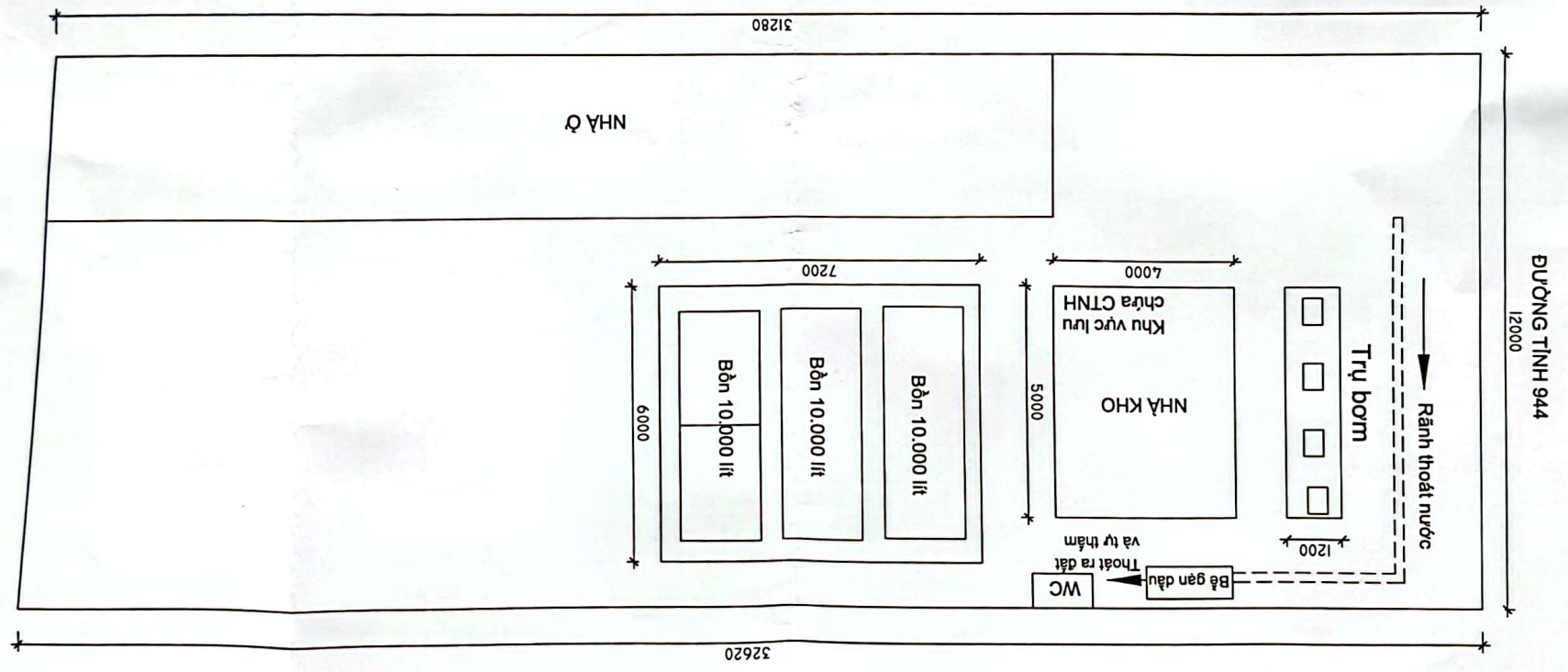




CÔNG TRÌNH: TRƯỜNG CAO ĐẲNG TỈNH AN GIANG		BẢN VẼ HIỆN TRẠNG	
ĐỊA CHỈ, TỈNH LỘ 944, ẤP AN LẠC, XÃ AN TIẾN TRUNG, HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG		BẢN VẼ	
ĐO + VẼ		CHỮ DẤU TỰ	
Ks. NGUYỄN TIẾN PHƯƠNG		Lê Tiến Nam	



MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



HÀNG MỤC:	
BỘ TRƯỞNG MẶT BẰNG	
TÊN BẢNG VỀ:	
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
Ngày hoàn thành: 12/2023	

CHỦ ĐẦU TƯ: *[Signature]*

DOANH NGHIỆP: *[Signature]*

AN THẠNH TRƯỞNG

CHỖ ĐẤU TƯ

M.S.D.N. 1600377049